

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP.HCM  
KHOA KHOA HỌC & KỸ THUẬT MÁY TÍNH**



**BÁO CÁO BÀI TẬP LỚN 2**

**THIẾT KẾ TÍNH NĂNG CHO WEBSITE  
CÔNG TY- DOANH NGHIỆP**

Môn học : Lập trình Web

**GVHD: Thầy Nguyễn Hữu Hiếu**  
**---o0o---**

**Nhóm sinh viên: 9**

1. Vũ Ngọc Thiên Long (L01) 1511831
  2. Nguyễn Lục Sâm Bảo (L01) 1710598
  3. Lê Hoàng Huy (L03) 1511232
- Email liên hệ: *1511232@hcmut.edu.vn***

TP. HỒ CHÍ MINH, 12/2020

## MỤC LỤC

<b>DANH SÁCH THÀNH VIÊN</b>	4
<b>DANH MỤC HÌNH ẢNH</b>	5
<b>Chương 1 TỔNG QUAN</b>	6
1.1 Các thư viện, công nghệ sử dụng	6
1.1.1 Mô tả tổng quan	6
1.1.2 Mô tả chi tiết	6
1.2 Thiết kế cơ sở dữ liệu	7
1.2.1 admin_tbl	8
1.2.2 contacts	8
1.2.3 page_images_tbl	9
1.2.4 page_tbl	9
1.2.5 products	10
1.2.6 users	10
1.2 Cấu trúc mã nguồn	11
1.3 Các tính năng được thiết kế	13
1.4 Các bước để chạy dự án	14
1.5 Các phiên bản PHP hỗ trợ	15
<b>Chương 2 THIẾT KẾ TÍNH NĂNG CỦA KHÁCH</b>	16
2.1 Xem thông tin public trên trang web	16
2.2 Đăng ký thành viên	16
2.3 Đăng nhập	17
2.4 Reset mật khẩu qua gmail	17
<b>Chương 3 THIẾT KẾ TÍNH NĂNG CỦA THÀNH VIÊN</b>	19
3.1 Trang cá nhân	19
3.1.1 Thay đổi thông tin cá nhân	19
3.1.2 Đổi mật khẩu	20
3.2 Đăng xuất	20
<b>Chương 4 THIẾT KẾ TÍNH NĂNG CỦA QUẢN TRỊ VIÊN</b>	21
4.1 Quản lý thành viên	22
4.1.1 Xem thành viên	22
4.1.2 Thêm thành viên	23
4.2 Quản lý tài nguyên	24
4.2.1 Thay đổi slider	24
4.2.2 Quản lý sản phẩm	24
4.2.3 Cập nhật thông tin liên hệ	25
4.2.4 Quản lý liên hệ	25

4.3	Thay đổi mật khẩu quản trị viên.....	26
<b>Chương 5 CÁC TÍNH NĂNG KHÁC .....</b>		<b>27</b>
5.1	Kiểm tra dữ liệu .....	27
5.2	Tìm kiếm tài nguyên .....	27
<b>Chương 6 TỔNG KẾT.....</b>		<b>29</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>		<b>30</b>

# DANH SÁCH THÀNH VIÊN

Tên thành viên	MSSV	Nhiệm vụ được phân công
Vũ Ngọc Thiên Long (L01)	1511831	Thiết kế chức năng của khách (đăng nhập), tìm kiếm sản phẩm đơn giản, viết report.
Nguyễn Lục Sâm Bảo (L01)	1710598	Thiết kế chức năng của thành viên
Lê Hoàng Huy (L03)	1511232	Thiết kế chức năng của khách, quản trị viên, thiết kế database

## DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1.1. Cấu trúc bảng admin_tbl.....	8
Hình 1.2. Cấu trúc bảng contacts.....	9
Hình 1.3. Cấu trúc bảng page_images_tbl .....	9
Hình 1.4. Cấu trúc bảng page_tbl .....	10
Hình 1.5. Cấu trúc bảng products .....	10
Hình 1.6. Cấu trúc bảng users .....	11
Hình 1.7. Cấu trúc mã nguồn.....	13
<hr/>	
Hình 2. 1 Giao diện đăng ký thành viên.....	16
Hình 2. 2. Giao diện sau khi đăng nhập tài khoản thành viên. ....	17
Hình 2. 3. Đăng nhập thông qua facebook.....	17
Hình 2. 4. Kiểm tra email xác nhận reset password .....	18
Hình 2. 5. Cập nhật mật khẩu .....	18
<hr/>	
Hình 3. 1 Giao diện trang cá nhân của thành viên .....	19
Hình 3. 2. Thay đổi thông tin cá nhân.....	20
Hình 3. 3. Đổi mật khẩu thành viên .....	20
<hr/>	
Hình 4. 1 Giao diện đăng nhập quản trị viên.....	21
Hình 4. 2. Giao diện quản lý của quản trị viên.....	22
Hình 4. 3. Giao diện quản lý thành viên (a) .....	22
Hình 4. 4. Giao diện quản lý thành viên (b) .....	23
Hình 4. 5. Giao diện quản lý thành viên (c) .....	23
Hình 4. 6. Giao diện quản lý thành viên (d) .....	24
Hình 4. 7. Quản lý tài nguyên - Slider .....	24
Hình 4. 8. Quản lý tài nguyên - Sản phẩm .....	25
Hình 4. 9. Cập nhật thông tin liên hệ .....	25
Hình 4. 10. Lịch sử liên hệ .....	26
Hình 4. 11. Thay đổi mật khẩu quản trị viên.....	26
<hr/>	
Hình 5. 1. Tìm kiếm tài nguyên.....	27
Hình 5. 2. Kết quả tìm kiếm .....	28

# Chương 1

## TỔNG QUAN

### 1.1 Các thư viện, công nghệ sử dụng

#### 1.1.1 Mô tả tổng quan

- Ngôn ngữ sử dụng: PHP
- Cơ sở dữ liệu: MySQL
- Thiết kế giao diện: HTML, CSS, JAVASCRIPT, JQUERY
- Công nghệ sử dụng: AJAX
- Phần mềm hỗ trợ: XAMPP

#### 1.1.2 Mô tả chi tiết

- Bootstrap
  - + Phiên bản sử dụng: v4.1.0
  - + Ưu điểm:
    - Viết code ít và tiết kiệm thời gian
    - Responsive tốt
    - Phổ biến và có cộng đồng hỗ trợ đông đúc
  - + Nhược điểm:
    - Sản phẩm nặng, tốc độ tối ưu chưa cao
    - Nếu không tùy chỉnh style nhiều thì các website bootstrap rất giống nhau
- JQuery
  - + Phiên bản sử dụng: v3.2.1
  - + Ưu điểm:
    - Đơn giản cách viết javascript và tăng tốc độ xử lý trên trang web
    - Dễ sử dụng
    - Là một thư viện lớn của javascript: có nhiều chức năng hơn so với các thư viện javascript khác
    - Cộng đồng mã nguồn mở mạnh mẽ, nhiều tài liệu

- Hỗ trợ ajax
- + Nhược điểm:
  - Làm client trở nên chậm chạp nếu lạm dụng quá nhiều jquery
  - Chức năng có thể không có
- Font Awesome:
  - + Phiên bản sử dụng: 4.7.0
  - + Ưu điểm:
    - Tốc độ load nhanh hơn so với một file ảnh
    - Dễ dàng thay đổi kích thước, màu của icons
- Lightbox: là một thư viện javascript nhỏ được sử dụng để chồng hình ảnh lên phía trên của page hiện tại
- Animate.css là thư viện CSS ready-to-use, sử dụng được trên nhiều trình duyệt, dùng để tạo ra những hình ảnh động cho dự án web. Cụ thể, nó được ứng dụng cho những chi tiết cần nhấn mạnh, trang chủ, sliders hay những chỗ cần thu hút chú ý của khách hàng.
- AOS: thư viện tạo hiệu ứng chuyển động cho các phần tử khi Scroll màn hình
- Wow: thư viện js tạo hiệu ứng chuyển động cho các phần tử khi Scroll màn hình tương tự AOS
- Ionicons: thư viện mã nguồn mở các icons, hỗ trợ ảnh SVG và web font
- Pogo slider: là một jquery plugin nó cho phép tạo ra những sliders ảnh, nội dung động
- Owl Carousel: là một jquery plugin cho phép tạo ra những slider bằng chuyển động, responsive
- DataTables là một jquery plugin, là một công cụ tuyệt vời để thực hiện các công việc liên quan đến bảng biểu được hiển thị trên các trang HTML. Các chức năng tiêu biểu như phân trang, search tức thì, sắp xếp nhiều cột dữ liệu, hỗ trợ nhiều data source như DOM, Javascript, Ajax, ...

## 1.2 Thiết kế cơ sở dữ liệu

CSDL gồm có 6 bảng dữ liệu:

### 1.2.1. admin\_tbl

Bảng **admin\_tbl** chứa các thông tin về quản trị viên gồm các trường:

- Id: id của admin
- Username: tên tài khoản của admin
- Password: mật khẩu tài khoản

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	<b>Id</b> 	int(10)		UNSIGNED	Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	<b>Username</b>	varchar(60)	utf8_general_ci		Không	Không		
3	<b>Password</b>	varchar(60)	utf8_general_ci		Không	Không		

Hình 1.1. Cấu trúc bảng admin\_tbl

### 1.2.2. contacts

Bảng **contacts** chứa các thông tin liên hệ từ khách hàng, được nhập vào từ Form ở trang Liên hệ. Bảng gồm các trường dữ liệu:

- Id: id của một contact
- Name: Tên khách hàng
- Email: email của khách hàng
- Number: số điện thoại
- Subject: chủ đề yêu cầu của khách hàng
- Message: tin nhắn của khách hàng
- PostingDate: ngày gửi
- IsRead: đánh dấu xem yêu cầu đó đã được admin đọc chưa
- IsContact: đánh dấu xem yêu cầu đã được xử lý chưa



#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	<b>Id</b> 	int(5)			Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	<b>Name</b>	varchar(50)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
3	<b>Email</b>	varchar(50)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
4	<b>Number</b>	varchar(11)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
5	<b>Subject</b>	varchar(200)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
6	<b>Message</b>	mediumtext	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
7	<b>PostingDate</b>	datetime			Không	Không		
8	<b>IsRead</b>	int(11)			Không	Không		
9	<b>IsContact</b>	int(11)			Không	Không		

Hình 1.2. Cấu trúc bảng contacts

### 1.2.3. page\_images\_tbl

Bảng **page\_images\_tbl** chứa thông tin về các file hình ảnh trên các page của ở phía client. Bảng gồm các trường dữ liệu:

- Id: id của ảnh
- Image: tên file ảnh
- Page: page mà ảnh được hiển thị
- Type: loại hình ảnh
- Number: số thứ tự của ảnh, được sử dụng cho thứ tự slider

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	<b>Id</b> 	int(5)			Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	<b>Image</b>	varchar(100)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
3	<b>Page</b>	varchar(50)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
4	<b>Type</b>	varchar(50)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
5	<b>Number</b>	int(1)			Không	Không		


Hình 1.3. Cấu trúc bảng page\_images\_tbl

### 1.2.4. page\_tbl

Bảng **page\_tbl** chứa các thông tin cơ bản được hiển thị lên ở các page ở phía client. Bảng gồm các trường:

- Id: id của record
- PageType: loại trang (home, aboutus, services, pricelist, contact )
- PageDescription: mô tả về trang

- Address: địa chỉ của công ty
- Email: email của công ty
- Phone: số điện thoại của công ty
- NumProduct: số sản phẩm được hiển thị trên page


#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	<b>Id</b> 	int(10)			Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	<b>PageType</b>	varchar(50)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
3	<b>PageDescription</b>	mediumtext	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
4	<b>Address</b>	text	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
5	<b>Email</b>	text	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
6	<b>Phone</b>	varchar(20)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
7	<b>NumProduct</b>	int(3)			Không	Không		

Hình 1.4. Cấu trúc bảng *page\_tbl*

#### 1.2.5. products

Bảng **products** chứa các thông tin về sản phẩm của công ty. Bảng gồm các trường dữ liệu:

- Id: định danh của sản phẩm
- Title: Tiêu đề của sản phẩm
- Image: ảnh sản phẩm
- Link: link thông tin sản phẩm
- CompleteDate: ngày hoàn thành sản phẩm

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	<b>Id</b> 	int(10)			Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	<b>Title</b>	varchar(200)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
3	<b>Image</b>	varchar(100)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
4	<b>Link</b>	varchar(100)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
5	<b>CompleteDate</b>	date			Không	Không		

Hình 1.5. Cấu trúc bảng *products*

#### 1.2.6. users

Bảng **users** chứa các thông tin về thành viên gồm các trường:

- Id (key): id của user

- Username: tên tài khoản (không trùng )
- Password: mật khẩu
- Email: email của user (không trùng )
- Fullname: tên đầy đủ
- Tel: số điện thoại của user
- Type: loại thành viên (normal, VIP )
- Image: ảnh đại diện

#	Tên	Kiểu	Bảng mã đối chiếu	Thuộc tính	Null	Mặc định	Ghi chú	Thêm
1	<b>Id</b> 	int(10)		UNSIGNED	Không	Không		AUTO_INCREMENT
2	<b>Username</b>	varchar(60)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
3	<b>Password</b>	varchar(60)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
4	<b>Email</b>	varchar(60)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
5	<b>Fullname</b>	varchar(60)	utf8_general_ci		Có	NULL		
6	<b>Tel</b>	varchar(10)	utf8mb4_general_ci		Không	Không		
7	<b>Type</b>	varchar(10)	utf8_general_ci		Có	NULL		
8	<b>Image</b>	varchar(150)	utf8_general_ci		Có	NULL		

Hình 1.6. Cấu trúc bảng users

## 1.2 Cấu trúc mã nguồn

Cấu trúc mã nguồn như hình:

```
assignment
├── admin
│   ├── controller
│   │   ├── check-availability.php
│   │   ├── delete-contact.php
│   │   └── ...
│   ├── css
│   │   ├── add-user.css
│   │   ├── jquery.dataTables.css
│   │   ├── login.css
│   │   └── style.css
│   ├── images
│   │   ├── ajax-loader.gif
│   │   ├── sort_asc_disabled.png
│   │   └── ...
│   ├── include
│   │   ├── dbconnect.php
│   │   ├── header.php
│   │   └── sidebar.php
│   ├── js
│   │   ├── add-user.js
│   │   ├── chang-password.js
│   │   └── ...
│   ├── change-password.php
│   ├── contact-details.php
│   └── ...
├── controller
│   └── contactform-process.php
├── css
│   └── ...
├── fonts
│   └── ...
```



Hình 1.7. Cấu trúc mã nguồn

## 1.3 Các tính năng được thiết kế

### 1.3.1 Tính năng của khách

- Xem các thông tin public trên trang web.
- Đăng ký.
- Đăng nhập.
- Đăng nhập với Facebook, Google.
- Reset mật khẩu qua email

### 1.3.2 Tính năng của thành viên

- Thiết kế giao diện trang cá nhân
- Thay đổi thông tin cá nhân
- Thay đổi mật khẩu
- Thay đổi hình đại diện

### 1.3.3 Tính năng của quản trị viên

- Thiết kế giao diện trang quản trị
- Quản lý thành viên: xem, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm
- Tính năng quản lý (xem, thêm, sửa, xóa) các tài nguyên của ứng dụng web như thông tin liên hệ, sản phẩm, slider,...:
  - Slider ở trang chủ: xem, thêm, thay đổi slider bằng chọn ảnh đã từng uploaded hoặc tải ảnh từ máy, xóa slider
  - Sản phẩm ở trang chủ: xem, thêm, sửa, xóa, tìm kiếm sản phẩm; thay đổi số lượng sản phẩm được hiển thị
  - Xem và thay đổi thông tin ở trang liên hệ
  - Quản lý thông tin liên hệ từ khách hàng
    - Hệ thống gửi mail xác nhận cho khách hàng
    - Admin nhận thông báo về yêu cầu khách hàng gửi
    - Admin xem bảng yêu cầu, xem chi tiết từng yêu cầu, cập nhật yêu cầu và xóa yêu cầu.
  - Thay đổi mật khẩu quản trị viên
- Hiện thực phân trang hiển thị cho các tính năng quản lý

### 1.3.4 Các tính năng khác

- Thực hiện kiểm tra dữ liệu đầu vào ở Client side và Server side
- Tìm kiếm sản phẩm đơn giản

## 1.4 Các bước để chạy dự án

Bước 1. Tải file zip hoặc clone repo:

<https://github.com/HoangHuyLe/assignment.git>

Bước 2. Giải nén file và sao chép thư mục **assignment**

Bước 3. Dán thư mục **assignment** thư mục root của Xampp (xampp/htdocs)

- Bước 4. Mở PHPMyAdmin (<http://localhost/phpmyadmin>)
- Bước 5. Tạo một database có tên là *assignment*
- Bước 6. Import assignment.sql file (trong thư mục SQL) vào database *assignment*
- Bước 7. Truy cập giao diện client theo link <http://localhost/assignment>
- Bước 8. Truy cập giao diện admin <http://localhost/assignment/admin>

## 1.5 Các phiên bản PHP hỗ trợ

Hỗ trợ phiên bản PHP 5.0.0 và các phiên bản cao hơn.

## Chương 2

# THIẾT KẾ TÍNH NĂNG CỦA KHÁCH

### 2.1 Xem thông tin public trên trang web

Khi một người dùng, không phải là thành viên hoặc là thành viên nhưng chưa đăng nhập, thực hiện việc truy cập vào website thì sẽ được xem thông tin trên website với tư cách khách.

### 2.2 Đăng ký thành viên

Từ trang chủ, với tư cách khách, bấm nút **ĐĂNG NHẬP**, giao diện sẽ chuyển sang màn hình đăng nhập. Từ đây, bấm **Đăng ký** và nhập các thông tin tài khoản muốn đăng ký. Ví dụ:

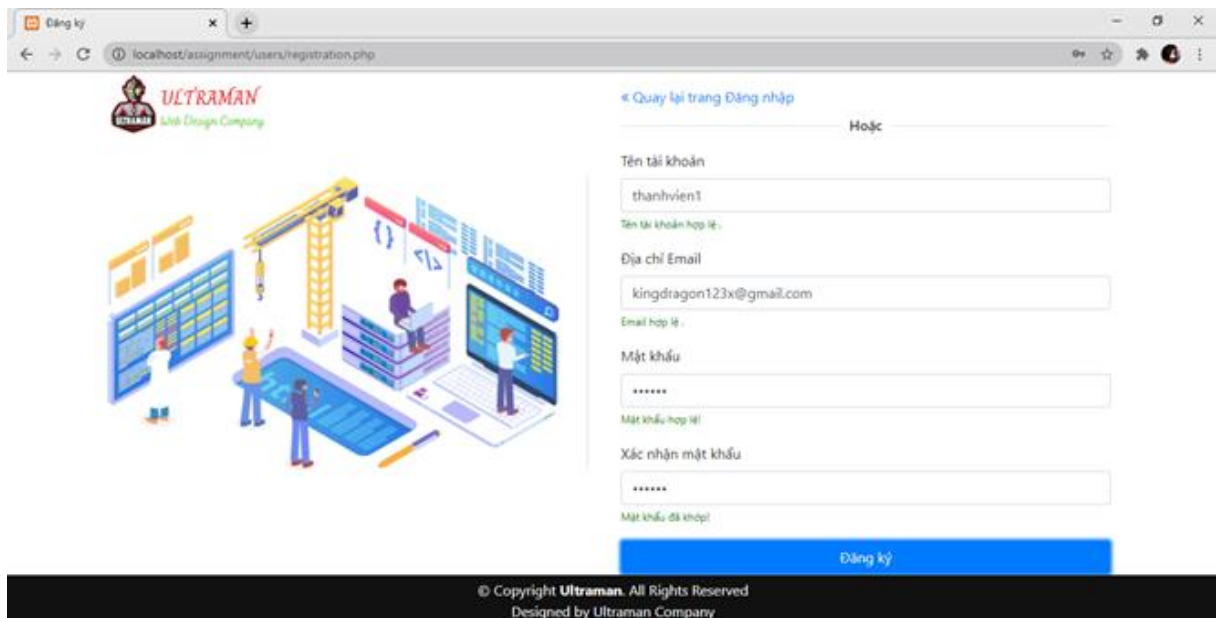
Tên tài khoản: *thanhvien1*

Địa chỉ Email: [kingdragon123x@gmail.com](mailto:kingdragon123x@gmail.com)

Mật khẩu: 123456

Xác nhận mật khẩu: 123456

Nếu tất cả đều hợp lệ, giao diện sẽ như hình 2.1:



Hình 2. 1 Giao diện đăng ký thành viên

Bấm Đăng ký, màn hình sẽ hiện ra dòng chữ:

**Đăng ký thành công. Bạn có thể đăng nhập.**

Sau đó bấm vào dòng chữ **« Quay lại trang Đăng nhập** để thực hiện việc đăng nhập.



## 2.3 Đăng nhập

Tài khoản vừa đăng ký sẽ được mặc định là tài khoản thành viên thường, thực hiện nhập thông tin username và password vừa đăng ký và bấm

**Đăng nhập**, hệ thống sẽ thực hiện đăng nhập với tư cách thành viên như hình 2.2 nếu như thông tin nhập vào là hợp lệ:



Hình 2. 2. Giao diện sau khi đăng nhập tài khoản thành viên.

Ngoài việc đăng nhập bằng cách đăng ký tài khoản thành viên, người dùng có thể đăng nhập thông qua facebook và google ví dụ như hình 2.3:



Hình 2. 3. Đăng nhập thông qua facebook

## 2.4 Reset mật khẩu qua gmail

Tại giao diện đăng nhập, click vào **Quên mật khẩu?** sau đó điền email ứng với tài khoản đã đăng ký như ví dụ:

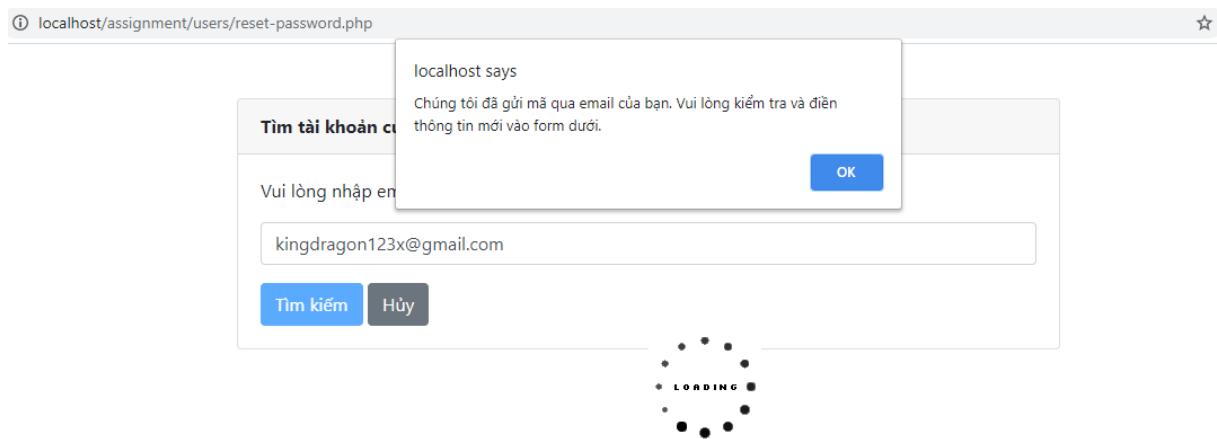
**Tìm tài khoản của bạn**

Vui lòng nhập email để tìm kiếm tài khoản của bạn.

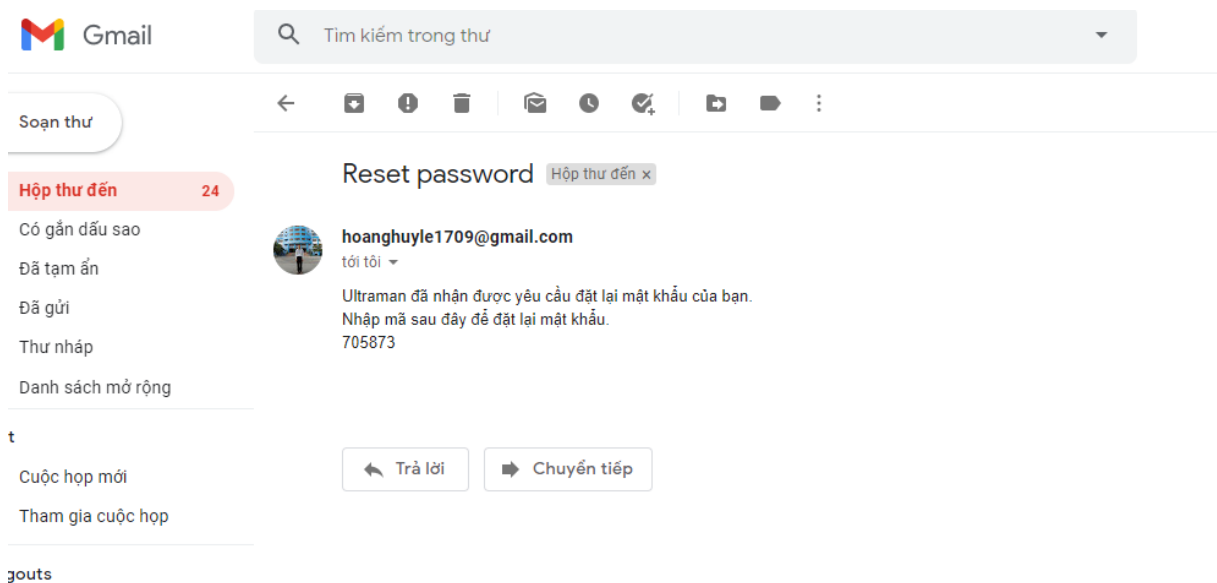
kingdragon123x@gmail.com

**Tìm kiếm** **Hủy**

Hệ thống sẽ gửi một email chứa đoạn code xác nhận đổi mật khẩu đến địa chỉ email vừa nhập:

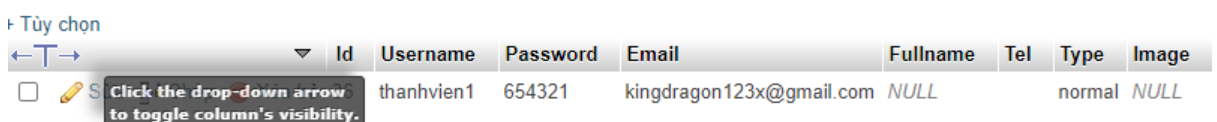


Hệ thống sẽ gửi một email chứa đoạn code xác nhận đổi mật khẩu đến địa chỉ email vừa nhập:



Hình 2. 4. Kiểm tra email xác nhận reset password

Nhập đoạn mã vừa nhận với mật khẩu mới là 654321, sau khi thành công, hệ thống sẽ cập nhật mật khẩu mới cho tài khoản *thanhvien1* như hình 2.5:

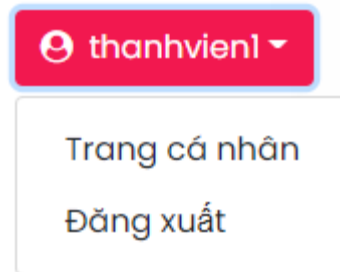


Hình 2. 5. Cập nhật mật khẩu

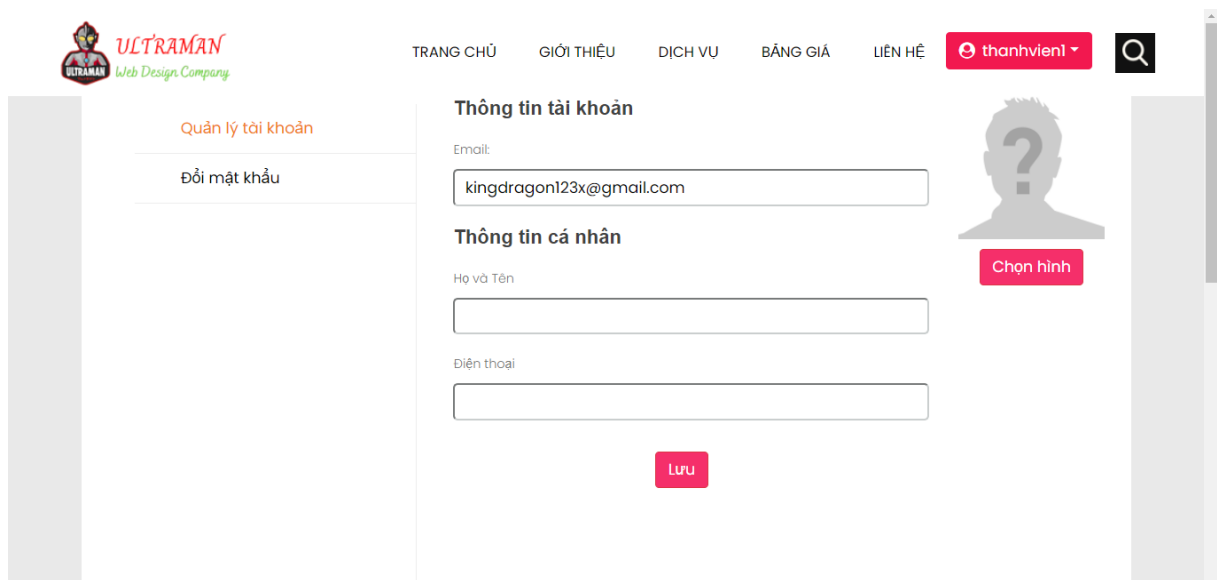
## Chương 3

# THIẾT KẾ TÍNH NĂNG CỦA THÀNH VIÊN

Sau khi đăng nhập, click vào tên thành viên tại góc trên bên phải màn hình, thành viên sẽ thấy 2 lựa chọn: Trang cá nhân và Đăng xuất



### 3.1 Trang cá nhân



Hình 3. 1 Giao diện trang cá nhân của thành viên

#### 3.1.1 Thay đổi thông tin cá nhân

Tại trang cá nhân, thành viên có thể thực hiện quản lý tài khoản bằng việc thay đổi thông tin về email, họ tên, số điện thoại và ảnh đại diện của tài khoản của mình. Các thông tin này khi lưu sẽ được cập nhật trên CSDL.

**Thông tin tài khoản**

Email:

**Thông tin cá nhân**

Họ và Tên:

Điện thoại:

Hình 3. 2. Thay đổi thông tin cá nhân

### 3.1.2 Đổi mật khẩu

Thành viên có thể đổi mật khẩu trong phần đổi mật khẩu, mật khẩu mới sẽ được lưu trên CSDL.

**Đổi mật khẩu**

Nhập mật khẩu cũ:

Nhập mật khẩu mới:

Xác nhận lại mật khẩu:

Hình 3. 3. Đổi mật khẩu thành viên

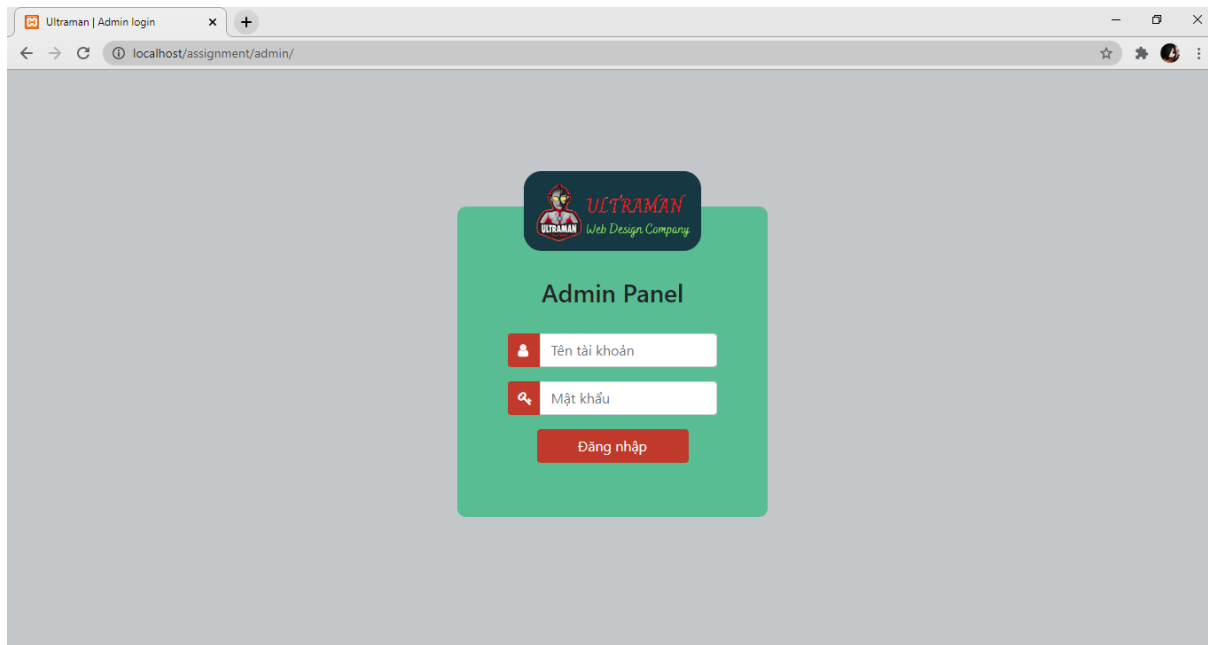
## 3.2 Đăng xuất

Người dùng thành viên click vào đăng xuất để đăng xuất tài khoản của mình khỏi hệ thống, sau khi đăng xuất, người dùng sẽ quay lại với tư cách khách.

## Chương 4

# THIẾT KẾ TÍNH NĂNG CỦA QUẢN TRỊ VIÊN

Truy cập vào địa chỉ: <http://localhost/assignment/admin/> , giao diện đăng nhập của quản trị viên sẽ xuất hiện:



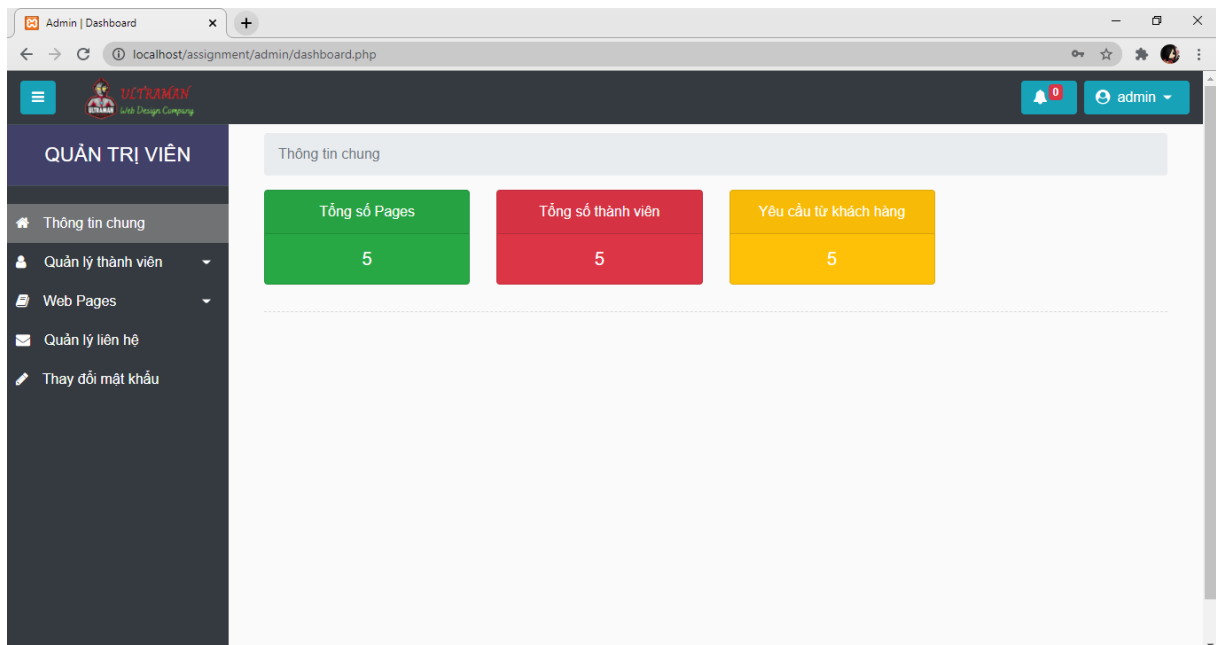
Hình 4. 1 Giao diện đăng nhập quản trị viên

Đăng nhập tài khoản quản trị viên:

Tên tài khoản: *admin*

Mật khẩu: 12345678

Giao diện quản lý của quản trị viên:

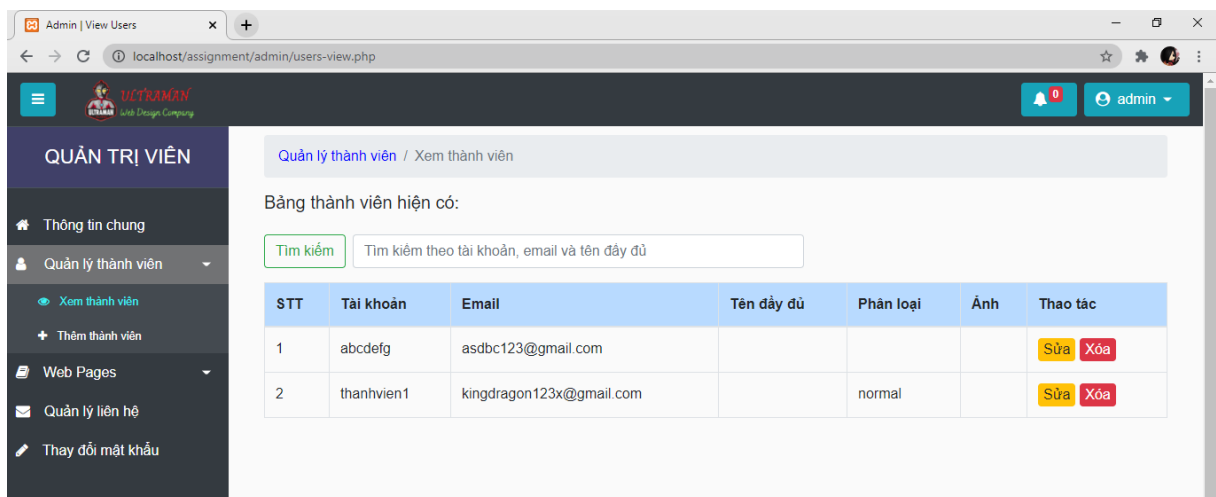


Hình 4. 2. Giao diện quản lý của quản trị viên

## 4.1 Quản lý thành viên

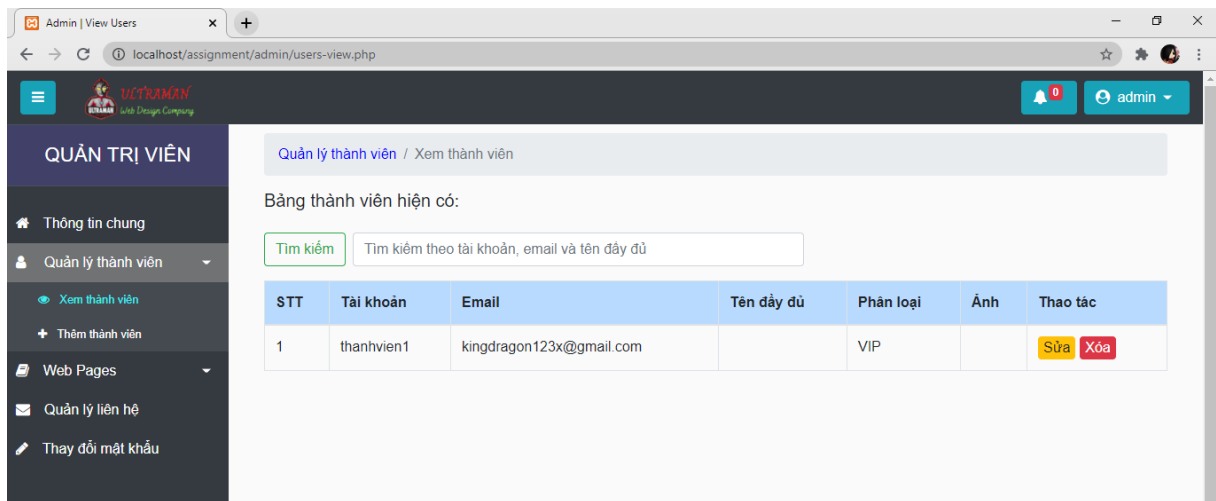
Chức năng quản lý thành viên bao gồm: xem thành viên và thêm thành viên.

### 4.1.1 Xem thành viên



Hình 4. 3. Giao diện quản lý thành viên (a)

Với mỗi thành viên, quản trị viên có thể chỉnh sửa loại thành viên (thường hoặc vip) hoặc xóa thành viên đó. Ví dụ ta xóa thành viên có tài khoản là abcdefg và phân loại tài khoản *thanhvien1* từ *normal* thành *VIP*, ta sẽ có kết quả như hình:



Hình 4. 4. Giao diện quản lý thành viên (b)

#### 4.1.2 Thêm thành viên

Quản lý thành viên / Thêm thành viên

Tên tài khoản \*

Email \*

Mật khẩu \*

Tên đầy đủ

Xác nhận mật khẩu \*

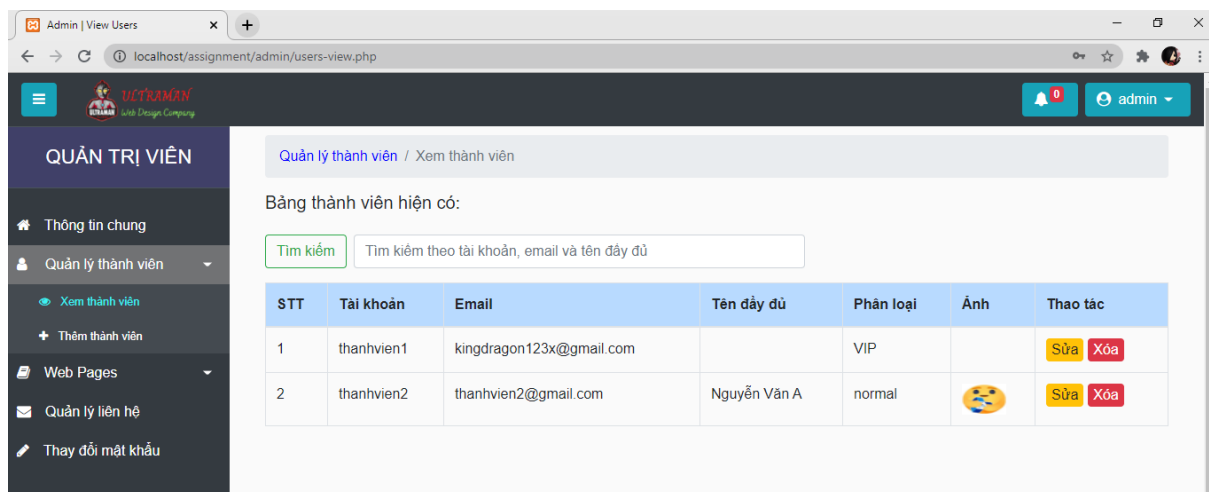
Loại thành viên ☒ Normal ☐ VIP

Ảnh đại diện

Hình 4. 5. Giao diện quản lý thành viên (c)

Chức năng thêm thành viên cũng tương tự như chức năng đăng ký tài khoản, tuy nhiên điểm khác ở đây là người thực hiện sẽ là quản trị viên và họ có thể thêm thông tin về tên thành viên, phân loại thành viên cũng như cập nhật ảnh đại diện cho thành viên.

Ví dụ, thêm thành viên có tên tài khoản là *thanhvien2*, mật khẩu là *123456789*, email là [thanhvien2@gmail.com](mailto:thanhvien2@gmail.com), tên đầy đủ là *Nguyễn Văn A*, loại thành viên *normal* và cập nhật thêm ảnh đại diện, kết quả sẽ được cập nhật trong bảng thành viên như hình:

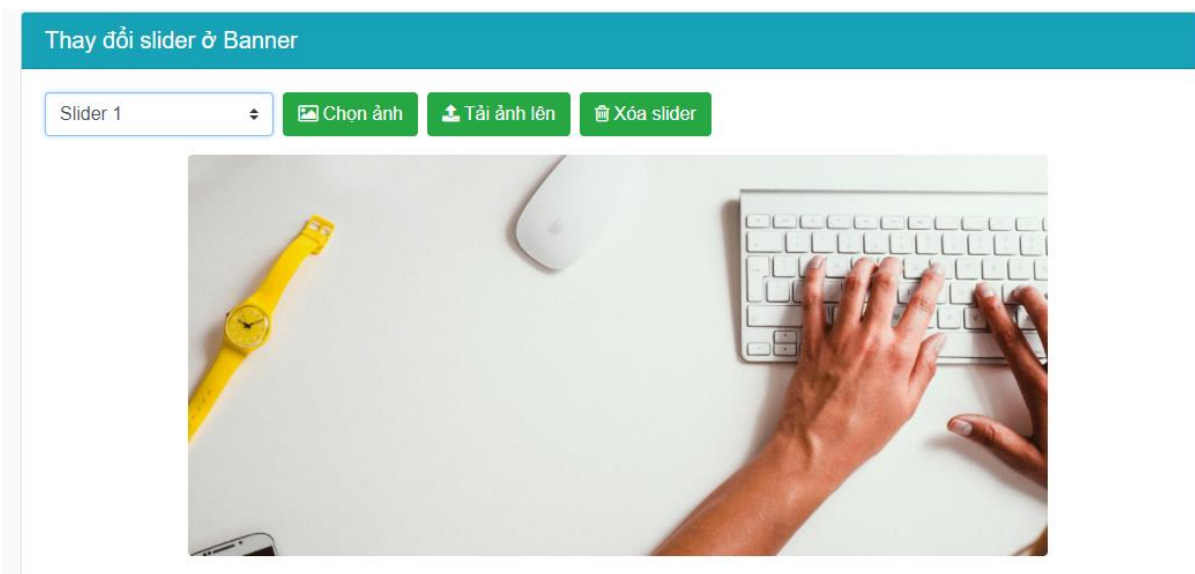


Hình 4. 6. Giao diện quản lý thành viên (d)

## 4.2 Quản lý tài nguyên

### 4.2.1 Thay đổi slider

Chức năng thay đổi slider cho phép quản trị viên lựa chọn ảnh từ lịch sử ảnh đã tải lên trước đó, hoặc tải ảnh lên, hoặc xóa slider:



Hình 4. 7. Quản lý tài nguyên - Slider

### 4.2.2 Quản lý sản phẩm

Chức năng quản lý sản phẩm cho phép quản trị viên lựa chọn số lượng các sản phẩm xuất hiện trên website; thêm, chỉnh sửa hoặc xóa sản phẩm; đồng thời cho phép quản trị viên tìm kiếm theo tên sản phẩm (tương tự như chức năng tìm kiếm của mục 5.2 sẽ được trình bày phía sau)







Quản lý sản phẩm

Số sản phẩm được show trên trang chủ:  Gửi

Thêm sản phẩm

Show  entries

Search:

STT	Tiêu đề	Ảnh	Link	Hoàn thành	Thao tác
1	SONY Center tăng trưởng doanh số ấn tượng		<a href="https://store.sony.com.vn/">https://store.sony.com.vn/</a>	30-12-2020	<div>Sửa</div> <div>Xóa</div>
2	TOKYO DELI - Thiết kế web thương hiệu		<a href="http://www.tokyodeli.com.vn/">http://www.tokyodeli.com.vn/</a>	29-12-2020	<div>Sửa</div> <div>Xóa</div>
3	MASTERI tỏa sáng trên thị trường Bất động sản		<a href="http://www.masteri.com.vn/">http://www.masteri.com.vn/</a>	29-12-2020	<div>Sửa</div> <div>Xóa</div>
4	PVOIL - Tổng công ty Dầu Việt Nam		<a href="https://www.pvoil.com.vn/">https://www.pvoil.com.vn/</a>	29-12-2020	<div>Sửa</div> <div>Xóa</div>

Hình 4. 8. Quản lý tài nguyên - Sản phẩm

### 4.2.3 Cập nhật thông tin liên hệ

Quản trị viên có thể điều chỉnh thông tin liên hệ của website và cập nhật chúng.

Cập nhật thông tin liên hệ

Mô tả trang

Đội ngũ Ultraman luôn hoạt động 16h/24h. Để Ultraman có thể hỗ trợ bạn một cách nhanh chóng, vui lòng điền đầy đủ thông tin vào form dưới đây hoặc liên hệ qua email hoặc SĐT chúng tôi đã cung cấp bên dưới.

Địa chỉ

60 Nguyễn Đình Chiểu, P.Đakao, Q.1, TPHCM

Email 1

humanres@gmail.com

Email 2

info1@ultraman.com

SĐT 1

(+84) 358 121 712

SĐT 2

(+84) 358 121 725

Cập nhật

Hình 4. 9. Cập nhật thông tin liên hệ

### 4.2.4 Quản lý liên hệ

Quản trị viên có thể xem lịch sử liên hệ của khách hàng:

Quản lý liên hệ						
Show <input type="text" value="10"/> entries				Search: <input type="text"/>		
STT ▲	Tên khách hàng	SĐT	Chủ đề	Ngày gửi	Đã đọc?	Thao tác
1	aaaaaa	0359633778	Email về trang web	28-12-2020	Rồi	<input type="button" value="Xem chi tiết"/> <input type="button" value="Xóa"/>
2	vinfast	0359633778	123	28-12-2020	Rồi	<input type="button" value="Xem chi tiết"/> <input type="button" value="Xóa"/>
Showing 1 to 2 of 2 entries				Previous <input type="button" value="1"/> Next		

Hình 4. 10. Lịch sử liên hệ

## 4.3 Thay đổi mật khẩu quản trị viên

Thay đổi mật khẩu
<div>Tên tài khoản</div> <div>admin</div> <div>Mật khẩu cũ</div> <div></div> <div>Mật khẩu mới</div> <div></div> <div>Xác nhận lại mật khẩu</div> <div></div> <div>Cập nhật</div>

Hình 4. 11. Thay đổi mật khẩu quản trị viên

## Chương 5

# CÁC TÍNH NĂNG KHÁC

### 5.1 Kiểm tra dữ liệu

Hệ thống kiểm tra các dữ liệu đầu vào như dữ liệu đăng ký thành viên, dữ liệu đăng nhập, dữ liệu ảnh:

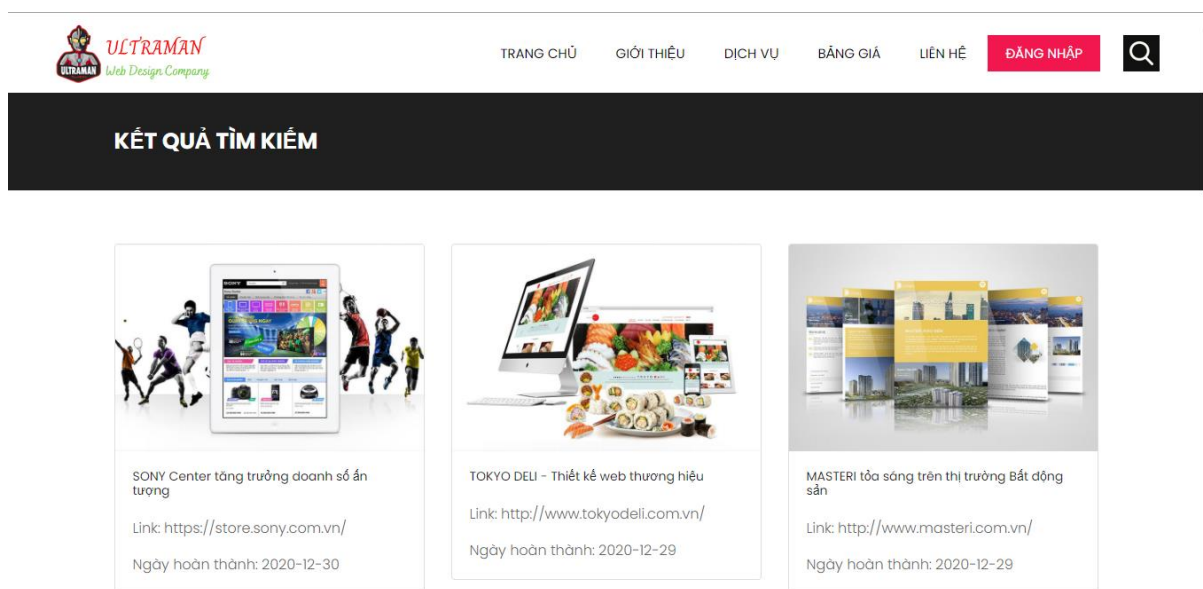
- Tên tài khoản phải là chuỗi có từ 6 đến 50 kí tự.
- Email phải đúng định dạng (sth)@(sth).(sth)
- Mật khẩu phải là chuỗi có từ 6 đến 50 kí tự.
- Xác nhận mật khẩu phải khớp với mật khẩu.
- Ảnh phải phù hợp với định dạng .gif, .png, .jpg hoặc .jpeg.

Hệ thống cũng kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu được gửi lên server từ Client Side cũng như ở Server Side:

- Tên tài khoản đăng nhập phải tồn tại trong CSDL.
- Mật khẩu đăng nhập phải khớp với mật khẩu được lưu trong CSDL.
- Tên tài khoản đăng ký, email đăng ký phải không được trùng với những tài khoản, email đã có sẵn trong CSDL.
- Các trường đăng ký có dấu \* thì không được để trống.

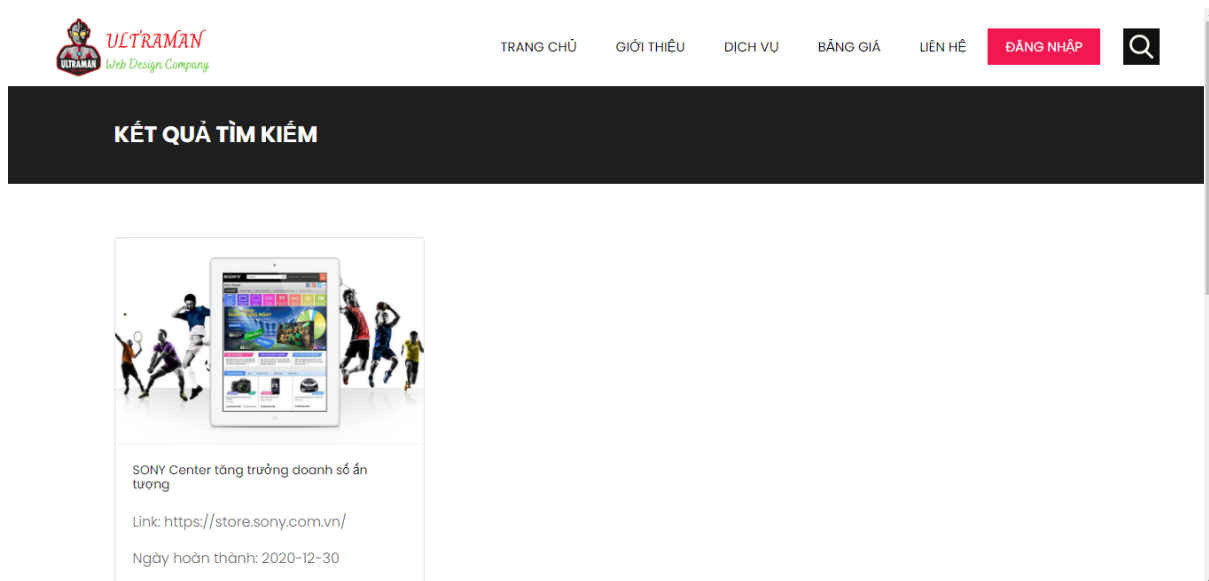
### 5.2 Tìm kiếm tài nguyên

Hệ thống có hỗ trợ tìm kiếm sản phẩm theo tiêu đề:



Hình 5. 1. Tìm kiếm tài nguyên

Ví dụ: tìm kiếm sản phẩm có tên là **SONY Center tăng trưởng doanh số ấn tượng**, ta gõ một phần trong tên sản phẩm đó, chẳng hạn gõ “sony”, ta sẽ được kết quả tìm kiếm như hình 5.2:



Hình 5. 2. Kết quả tìm kiếm

## **Chương 6**

# **TỔNG KẾT**

Trong bài tập lớn 2 này, nhóm 9 đã hiện thực, thiết kế các tính năng cho ứng dụng web dựa trên các giao diện đã được thiết kế ở bài tập lớn 1, sử dụng PHP và CSDL MySQL và đã đảm bảo toàn bộ các yêu cầu cơ bản đặt ra.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lightbox (small javascript library), lokesh, <https://github.com/lokes/lightbox2> , 2014
- [2] Animate.css, Daniel Eden, Elton Mesquita, Waren Gonzaga, MIT, 2020, <https://animate.style/>
- [3] AOS (Animate on scroll) library, michalsnik, <https://github.com/michalsnik/aos>, MIT, 2014
- [4] Pogo Slider JQuery Plugin, mdgriffin, <https://github.com/mdgriffin/pogo-slider>, MIT, 2014
- [5] Owl Carousel, OwlCarousel2, <https://github.com/OwlCarousel2/OwlCarousel2>, 2015
- [6] Isotope PACKAGED v3.0.4, metafizzy, <http://isotope.metafizzy.co>, 2015
- [7] Wow, graingert, <https://github.com/graingert/wow>, 2013
- [8] Ionicons – open-source icon set, Adam Bradley, <https://ionicons.com/>, 2017
- [9] Font Awesome 4.7.0, <http://fontawesome.io>
- [10] The World's Web Developer Site, <https://www.w3schools.com/>
- [11] <https://www.php.net/>